

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2032 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 05 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của UBND thành phố Hải Phòng công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 007/CV-Film ngày 06/01/2023 của Công ty TNHH VietNam Advance Film Material về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo Văn bản số 375/CV-PV Film ngày 17/04/2023 của Công ty TNHH VietNam Advance Film Material về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án gia công màng bọc trong tấm pin quang điện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH VietNam Advance Film Material, địa chỉ tại Lô đất CN7.2B tại Khu công nghiệp DeepC2A thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án gia công màng bọc trong tấm pin quang điện” tại Lô đất CN7.2B

tại Khu công nghiệp DeepC2A thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án gia công màng bọc trong tấm pin quang điện”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất CN7.2B tại Khu công nghiệp DeepC2A thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0202177842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đăng ký lần đầu ngày 21/10/2022. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4362532668 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 14/10/2022.

1.4. Mã số thuế: 0202177842.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm: Màng bọc trong tấm pin quang điện (PV film), lớp đỡ lót của tấm pin quang điện (Backsheet); gia công cắt màng bọc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 72.000 m²

- Quy mô, công suất:

TT	Tên sản phẩm	Công suất sản xuất thiết kế	
		m ² /năm	Tấn/năm
1	Màng bọc trong tấm pin quang điện (PV film)	250.000.000	112.000
2	Lớp đỡ lót của tấm pin quang điện (backsheet)	30.000.000	13.500
3	Màng bọc	40.000.000	3.300
4	Tổng	320.000.000	128.800

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH VietNam Advance Film Material:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH VietNam Advance Film Material có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 05 tháng 5 năm 2023 đến ngày 05 tháng 5 năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: quận Hải An, phường Đông Hải 2;
- Công ty TNHH VietNam Advance Film Material;
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng;
- Các Phòng: QHXD, QLĐT, HTGS, VPDD;
- Cổng TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2032../GPMT-BQL ngày 05. tháng 5...năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống dẫn nước thải và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH VietNam Advance Film Material và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN DeepC 2A) đã ký Hợp đồng thuê đất số HPIP/SM/CON/22/10 ngày 2/12/2022.

- Công văn số 1559/BTNMT-TCMT ngày 04/4/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận việc tiếp nhận nước và xử lý nước thải của KCN Deep C2 (bao gồm 2A và 2B) tại trạm XLNT của KCN Đình Vũ trên cơ sở văn bản đề nghị số 27/2019/DVIZ-EN ngày 30/01/2019 của Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Đình Vũ).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về bồn tự hoại chế tạo sẵn (số lượng: 10 bồn, tổng dung tích: 25 m³), sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (số lượng: 01 hệ thống, công suất thiết kế 65 m³/ngày đêm, công nghệ xử lý sinh học để xử lý các thành phần ô nhiễm đạt tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ, sau đó, đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Nước thải nhà ăn được thu gom về bể tách mỡ (số lượng: 01 bể, dung tích: 1,5 m³), sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (số lượng: 01 hệ thống, công suất thiết kế 65 m³/ngày đêm), công nghệ xử lý sinh học để xử lý các thành phần ô nhiễm đạt tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ, sau đó, đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải



- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt → bồn tự hoại bằng nhựa chế tạo sẵn;

+ Nước thải nhà ăn → bể tách mỡ;

+ Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn sau xử lý → hố thu → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể MBR → bể khử trùng → bơm đẩy vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Đình Vũ → đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ. Bùn dư từ bể MBR được tuần hoàn một phần về bể thiếu khí và còn lại đưa về bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Hóa chất sử dụng: Javen.

- Công suất thiết kế:

+ 10 bồn tự hoại chế tạo sẵn, vật liệu nhựa, dung tích 2500 lít, kích thước $D \times H = 1650 \times 1800 \text{ mm}$ /bồn, tổng dung tích 25 m^3 , vị trí đặt tại xưởng gia công màng bọc: 02 bồn; xưởng sản xuất PV film: 02 bồn; xưởng sản xuất backsheet: 02 bồn; nhà kho: 02 bồn, nhà bảo vệ: 02 bồn;

+ 01 bể tách mỡ, dung tích 1,5 m^3 tại khu vực nhà ăn;

+ 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất 65 m^3 /ngày đêm. Hệ thống gồm hố thu (14 m^3), bể điều hòa (42 m^3); bể thiếu khí (60 m^3), bể hiếu khí (60 m^3), bể MBR (40,5 m^3), bể khử trùng (12 m^3), bể bùn (32,4 m^3). Máy móc thiết bị gồm: màng lọc sinh học, bồn chứa hóa chất, giỏ lược rác thô, bơm nước thải tại hố thu, bơm nước thải tại bể điều hòa, bơm đảo trộn tại bể thiếu khí, bơm tuần hoàn bùn, bơm tuần hoàn khử Nitơ, máy thổi khí, bơm định lượng, bơm hút màng, bơm rửa màng, bơm hóa chất rửa màng, đồng hồ đo lưu lượng, phao báo mực nước, đĩa phân phối khí.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- 01 vị trí tại hồ thu gom nước thải đầu vào HTXL nước thải tập trung của Công ty. Tọa độ: X (m) = 2300716; Y (m) = 608739;

- 01 vị trí tại hồ ga thu nước cuối cùng của dự án trước khi đầu nối vào HTXL nước thải tập trung của KCN Đình Vũ. Tọa độ: X (m) = 2300736 ; Y (m) = 608753.

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ theo yêu cầu của Khu công nghiệp Đình Vũ.

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2032.../GPMT-BQL ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm PV film (công đoạn trộn liệu, gia nhiệt, ép đùn).

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm Backsheet (công đoạn phủ, sấy).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm PV film (công đoạn trộn liệu, gia nhiệt, ép đùn). Tọa độ X (m) = 2300820,94; Y(m) = 609063,384;

- Dòng khí thải số 02: Ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm Backsheet (công đoạn phủ, sấy). Tọa độ X (m) = 2300847,51; Y(m) = 608807,292.

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 24.000 m³/h;

- Dòng khí thải số 02: 69.231 m³/h;

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục theo ca làm việc bằng quạt hút.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=0,9$, $K_v=0,6$): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ cụ thể như sau:



- Dòng khí thải số 01:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT (Kp=0,9 và Kv=0,6)	QCVN 20:2009/BTNMT		
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	Thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm ³	108	-		
3	Vinyl clorua	mg/Nm ³	-	20		
4	Etylen oxyt	mg/Nm ³	-	20		
5	Benzen	mg/Nm ³	-	5		
4	Etanolamin	mg/Nm ³	-	45		

- Dòng khí thải số 02:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép - QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-		
2	Xylene	mg/Nm ³	870	Thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
3	Methyl acetate	mg/Nm ³	610		
4	n-Butyl acetate	mg/Nm ³	950		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm PV film (công đoạn trộn liệu, gia nhiệt, ép đùn).

- Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm Backsheet (công đoạn phủ, sấy).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Tóm tắt quy trình công nghệ của từng hệ thống:

- Hệ thống 1: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất sản phẩm PV film (công đoạn trộn liệu, gia nhiệt, ép đùn) → Đường ống → Tháp xử lý ướt → Thiết bị lọc bụi khô (sử dụng 03 bộ lọc G4, F7, F9) → Bộ xử lý UV → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Quạt hút → ống thoát khí.

- Hệ thống 2: Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm Backsheet → Đường ống → Hệ thống RTO → Quạt hút → ống thoát khí.

Tuần hoàn xử lý ← Hệ thống sấy sản phẩm Backsheet

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm PV film (công đoạn trộn liệu, gia nhiệt, ép đùn). Tọa độ X (m) = 2300820,94; Y(m)= 609063,384;

- 01 vị trí tại ống thoát khí từ hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm Backsheet (công đoạn phủ, sấy). Tọa độ X (m) = 2300847,51; Y(m)= 608807,292;

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)



2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	
			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
I	Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm PV film (công đoạn trộn liệu, gia nhiệt, ép đùn)			
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	108	-
3	Vinyl clorua	mg/Nm ³	-	20
4	Etylen oxyt	mg/Nm ³	-	20
5	Benzen	mg/Nm ³	-	5
6	Etanolamin	mg/Nm ³	-	45
II	Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm Backsheet (công đoạn phủ, sấy)			
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	
2	Xylene	mg/Nm ³	-	870
3	Methyl acetate	mg/Nm ³	-	610
4	n-Butyl acetate	mg/Nm ³	-	950

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử



nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý khí thải gửi Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng trong thời gian 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..2032../GPMT-BQL ngày ..05.. tháng 5.... năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm PV film (công đoạn trộn liệu, gia nhiệt, ép đùn);
- Nguồn số 02: Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sản xuất sản phẩm Backsheet (công đoạn phủ, sấy);
- Nguồn số 03: Máy nén khí;
- Nguồn số 04: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung;
- Nguồn số 05: Hệ thống giải nhiệt Liang Chi.
- Nguồn số 06: Khu vực trộn liệu sản xuất sản phẩm PV film;
- Nguồn số 07: Khu vực gia nhiệt, ép đùn sản xuất sản phẩm PV film;
- Nguồn số 08: Khu vực cắt sản phẩm PV film lỗi;
- Nguồn số 09: Khu vực sản xuất hạt nhựa nguyên sinh EVA trắng, hạt nhựa tái sinh;
- Nguồn số 10: Khu vực sản xuất sản xuất lớp đỡ lót của tấm pin quang điện (backsheet);
- Nguồn số 11: Khu vực cắt gia công màng bọc.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X (m) = 2300820,94; Y(m)= 609063,384;
- Nguồn số 02: Tọa độ X (m) = 2300847,51; Y(m)= 608807,292;
- Nguồn số 03: Tọa độ X (m) = 2300897,31; Y(m)= 608843,734;
- Nguồn số 04: Tọa độ X (m) = 2300759,85; Y(m)= 608759,654;
- Nguồn số 05: Tọa độ X (m) = 2300933,43; Y(m)= 608857,959;
- Nguồn số 06: Tọa độ X (m) = 2300916,122; Y(m)= 609039,026;
- Nguồn số 07: Tọa độ X (m) = 2300859,028; Y(m)= 608976,823;
- Nguồn số 08: Tọa độ X (m) = 2300791,618; Y(m)= 609030,882;
- Nguồn số 09: Tọa độ X (m) = 2300906,689; Y(m)= 608967,559;
- Nguồn số 10: Tọa độ X (m) = 2300836,800; Y(m)= 608810,589;

- Nguồn số 11: Tọa độ X (m) = 2300841,498; Y(m)= 609192,563;

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.



Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,****PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .2032../GPMT-BQL ngày ..05.. tháng .5.. năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Danh mục	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	3.337	18 02 01
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	98.700	18 01 03
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	9.891	18 01 01
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	137.700	18 01 02
5	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	1.464	12 01 04
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	700	17 02 03
7	Ấc quy chì thải	Rắn	200	19 06 01
8	Tổng		251.992	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm: Chất thải rắn công nghiệp tái chế phát sinh thường xuyên bao gồm: sản phẩm hỏng, bavia thải, nilon, thùng bìa Carton,... với tổng khối lượng: 4.716 tấn/năm. Chất thải rắn công nghiệp không tái chế phát sinh thường xuyên bao gồm: bao bì rách, nilon thải, thùng bìa Carton rách, bùn thải tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với tổng khối lượng: 836,275 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 172 kg/ngày đêm ~ 53,664 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho với diện tích 38,13 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất để phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng được đặt vào các khay hứng thứ cấp chống rò rỉ hoặc chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát, thiết bị PCCC theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho với diện tích 38,13 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa chất thải thông thường đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 20 lít, 240 lít, 120 lít tại các vị trí phát sinh gồm: xưởng sản xuất màng keo (sản phẩm PV film); xưởng sản xuất tấm mặt lưng (sản phẩm Backsheet); xưởng gia công (màng boc); nhà kho; sân đường nội bộ; nhà điều hành.

- Diện tích kho: 01 kho với diện tích 38,13 m²



- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa chất thải thông thường đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khẩn cấp theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~2032~~./GPMT-BQL ngày ~~05~~ tháng ~~5~~ năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.
